

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2022

V/v “*Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Bé**

- Bà **K’Nga**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Văn
Biên** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Lại H.** Sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Trần C.** Sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Lại H trình bày thì:***

Bà H cho biết ngày 20/5/2005 bà và ông Trần C có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi kết hôn ông bà không có tìm hiểu nhau nhưng vẫn quyết định đi đến hôn nhân, hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau tại xã L, huyện B, đến năm 2018 thì chuyển đến xã K huyện Đam Rông cho đến nay.

Trong thời gian chung sống thì ông bà vẫn chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, trước đây bà từng gửi đơn ly hôn đến

Tòa án đề giải quyết nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện đề về chung sống. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không hạnh phúc do không tin tưởng lẫn nhau, ông C dùng hạnh động, lời lẽ không tôn trọng bà làm cho tình cảm vợ chồng bị tổn thương nặng nề đến nay không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần C.

Đôi ý kiến của ông C mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình thì bà không đồng ý.

Trong thời gian chung sống ông bà có với nhau 02 người con chung là:

Cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006

Cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009

Hiện nay hai cháu đang ở với bố mẹ tại xã K, huyện Đ. Hai cháu phát triển tốt. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nhận nuôi cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Trần Văn Chung thì:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Lại H trình bày là đúng. Nhưng ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay vẫn còn và ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dưỡng con cái. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lại H.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 người con chung là:

Cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006

Cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009

Trường hợp Tòa án giải quyết ông và bà H ly hôn, ông nhận nuôi cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời đồng ý giao cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông C có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng bà H và ông C không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn. Về con chung, xét điều kiện nuôi dưỡng hai bên như nhau và thể theo nguyện vọng các con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn bà Lại H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần C được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Lại H và ông Trần C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B vào ngày 23/5/2006. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với C, hiện nay ông C, bà H đang sinh sống tại thôn T, xã N, huyện Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lại H và ông Trần C đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định hôn nhân của bà Lại H và ông Trần C hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà H, ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và ông C có lời lẽ xúc phạm bà H dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút đến mức nghiêm trọng, nay bà H thấy rằng bà và ông C không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Còn ông C thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần cũng do bà H hay ghen tuông vô cớ. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn bà H suy nghĩ lại cho hai vợ chồng một cơ hội để quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng ông C không có hành động gì để cứu vãn quan hệ hôn nhân của mình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H như lời ông trình bày và không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C mà chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp.

[4] **Về con chung:** Xét thấy bà H và ông C đang sinh sống tại địa phương xã N, có điều kiện kinh tế như nhau và các con chung đang ở với ông bà, sinh hoạt và học tập ổn định, phát triển tốt, bà H muốn nhận nuôi cháu A, và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, ông C muốn nhận nuôi cháu Tr không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con và theo nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với bên còn lại.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Lại H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lại H và bị đơn ông Trần C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần A sinh ngày 20/6/2006 cho bà Lại H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao cháu Trần Tr sinh ngày 28/02/2009 cho ông Trần C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lại H phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006107 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đỗ Thị Thúy Phượng

